

Số: 115/BC-UBND

Nga Sơn, ngày 22 tháng 5 năm 2018

BÁO CÁO

Thực trạng phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn huyện năm 2018; Định hướng phát triển đến năm 2020

I. Thực trạng phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn huyện năm 2018.

1. Công tác quy hoạch và thực hiện quy hoạch phát triển kinh tế trang trại ở địa phương:

Thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế trang trại gắn với quy hoạch và thực hiện quy hoạch xây dựng Nông thôn mới trên địa bàn huyện. UBND huyện đã chỉ đạo các xã tổ chức rà soát quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết, cắm mốc giới để phát triển trang trại, mỗi xã có ít nhất 01 khu trang trại, nhất là các xã có điều kiện về đất đai. Khuyến khích các hộ gia đình tự dồn, đổi tích tụ ruộng đất để phát triển trang trại.

Tăng cường quản lý sử dụng đất đúng quy hoạch và kế hoạch, rà soát đánh giá những trang trại hoạt động không có hiệu quả, tiến hành thu hồi đất theo quy định, chuyển nhượng cho những hộ có khả năng sản xuất kinh doanh.

Đầu tư xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, hệ thống điện bằng các nguồn vốn như: Huy động đóng góp của nhân dân, nguồn vốn từ ngân sách địa phương, ngân sách huyện, tỉnh hoặc nguồn vốn từ các tổ chức khác, gắn liền với vùng qui hoạch xây dựng trang trại. Đảm bảo khi các trang trại đi vào hoạt động đáp ứng được các yêu cầu sản xuất.

Tăng cường công tác thanh kiểm tra hoạt động của các trang trại chăn nuôi trong việc chấp hành các quy định về quản lý đất đai, chấp hành các quy định trong việc bảo vệ môi trường.

Đến nay, cơ bản các trang trại trên địa bàn huyện đều thuộc vùng quy hoạch, được bố trí ở những diện tích sản xuất hiệu quả thấp, khu vực đất xấu, đất xa khu dân cư để đảm bảo môi trường và an toàn dịch bệnh hướng tới sản xuất bền vững.

2. Tình hình hoạt động của từng loại hình trang trại trên địa bàn huyện:

Do làm tốt công tác tuyên truyền, chỉ đạo, áp dụng các cơ chế hỗ trợ của tỉnh nên các loại hình trang trại có bước phát triển khá, cụ thể như sau:

- Đối với loại hình trang trại chăn nuôi công nghiệp: Do đặc thù đều sản xuất theo hướng chăn nuôi gia công, vì vậy hiệu quả kinh tế của trang trại được tính dựa trên đầu cân tăng trọng của gia súc, gia cầm. Giá trị thu nhập qua các năm tương đối ổn định. Một trang trại chăn nuôi lợn công nghiệp có số vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng từ 1.200 - 1.800 triệu đồng. Con giống, thức ăn và thuốc thú y do Công ty chăn nuôi cung cấp, bình quân mỗi năm trang trại nuôi

1,3 lúa (các năm trước nuôi trung bình 2 lúa/năm), mỗi lúa nuôi tăng trọng khoảng 60 tấn thịt hơi, với mức giá nuôi gia công là 3.300 đồng/kg. Sau khi đã trừ các chi phí như khấu hao chuồng trại (10%/năm), chi phí sửa chữa nhỏ, tiền điện, trả lương công nhân, lãi xuất ngân hàng..., hàng năm mỗi trang trại chăn nuôi lợn quy mô từ 500 - 1.500 lợn thịt, có doanh thu 170 - 300 triệu đồng. Trang trại gà có mức thu nhập thấp hơn, từ 70 - 150 triệu đồng. Diễn hình như ở các xã Nga Thành, Nga Nhân, Nga Trung, Nga An, Nga Lĩnh, Nga Bạch,...

- Đối với trang trại tổng hợp có diện tích từ 0,5 - 1,5 ha, quy mô sản xuất bao gồm chăn nuôi, trồng trọt và thủy sản, tổng giá trị đầu tư khoảng 500 - 800 triệu đồng, giá trị sản xuất bình quân/năm đạt từ 1.000 - 1.200 triệu đồng, sau khi đã trừ các chi phí trung gian như khấu hao cơ sở hạ tầng (10%/năm), chi phí sửa chữa nhỏ, chi phí tiền điện, trả lương công nhân, tiền thuê đất..., hàng năm trang trại cho thu nhập 100 - 120 triệu đồng. Các hộ có diện tích lớn, có năng lực đầu tư và trình độ thâm canh cao, sản xuất các loại cây, con có giá trị kinh tế cao, cho thu nhập từ 50 - 200 triệu đồng/trang trại/năm. Diễn hình như ở các xã Nga Thạch, Nga Thành, Nga Thiện, Nga Tân,... Một số trang trại có chăn nuôi lợn số lượng lớn, không chủ động được con giống và thức ăn bị thua lỗ lớn, nhiều hộ không còn khả năng tái đàn sản xuất.

- Các trang trại nuôi trồng thủy sản, lúa cá kết hợp quy mô nhỏ, tập trung ở vùng đồng chiêm, đồng màu giá trị đầu tư thấp chủ yếu tận dụng các sản phẩm phụ từ trồng trọt và chăn nuôi để nuôi thủy sản. Tuy nhiên, nếu làm tốt công tác phòng chống dịch bệnh sẽ cho giá trị thu nhập ổn định do không bị ảnh hưởng của bão lụt. Diễn hình ở các xã Nga Tiến, Nga Tân, Nga Thạch, Nga Thiện, Ba Đình,...

- Trang trại thủy sản vùng triều chủ yếu theo hướng quảng canh và bán thâm canh, giá trị đầu tư 300 - 500 triệu đồng, một số ít nuôi công nghiệp giá trị đầu tư tương đối lớn từ 2 - 5 tỷ đồng; Con nuôi chủ yếu là tôm thẻ chân trắng, tôm sú, cua... Tuy nhiên, do chịu ảnh hưởng lớn bởi thời tiết, ô nhiễm nguồn nước, chưa chủ động được nguồn giống... nên hiệu quả nuôi trồng chưa cao, chưa đồng đều.

Phát triển kinh tế trang trại là hướng đi phù hợp với quy luật phát triển sản xuất hàng hóa trong nền kinh tế thị trường. Kinh tế trang trại cho phép sử dụng ruộng đất có hiệu quả hơn, huy động nguồn vốn lớn phục vụ sản xuất, giải quyết việc làm cho nhiều lao động hơn, thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp - nông thôn, tạo ra vùng sản xuất hàng hóa.

3. Một số trang trại điển hình trên địa bàn theo từng loại hình:

Diễn hình cho các mô hình kinh tế trang trại là: Nga Thành, Nga Nhân, Nga Trung, Nga Lĩnh, hộ gia đình ông Mai Văn Công - Nga Yên, Mã Văn Hào - Nga Thạch, Mai Văn Giáp - Nga Thiện, Phạm Văn Đồng - Nga Thành, Lại Quang Nghĩa - Nga Văn, Mai Xuân Tạc - Nga Tân,....

4. Tình hình triển khai các chính sách phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn:

- Chính sách của tỉnh:

+ Chính sách hỗ trợ trang trại theo Quyết định 5643/QĐ-UBND của UBND tỉnh trên địa bàn huyện không thực hiện được, do quy mô chưa đảm bảo.

+ Thực hiện Quyết định 1671/QĐ-UBND, ngày 17/5/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa quy định chi tiết thực hiện một số điều tại Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg, ngày 4/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, kết quả đạt được như sau: Công trình xử lý chất thải gia súc, gia cầm là 145 công trình (trong đó bể Biogas xây gạch là 60 công trình; bể Biogas bằng Composite là 85 công trình); Hỗ trợ vật tư phối giống lợn cái được 800 con bằng 3.200 liều tinh; hỗ trợ vật tư phối giống cải tạo đàn bò có chữa là 595 con; hỗ trợ 01 bình Nitơ loại 03 lít phục vụ công tác truyền phối, cải tạo đàn bò.

- Chính sách của huyện: Cơ chế tích tụ, dồn đổi ruộng đất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, chuyển đất lúa sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản tại các xã vùng Đồng Chiêm, diện tích thủy sản không quá 20% tổng diện tích chuyển đổi.

5. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

- *Tồn tại, hạn chế:*

+ Việc phát triển các loại hình trang trại không đồng đều giữa các vùng, các xã trên địa bàn huyện nên chưa tận dụng tối đa các lợi thế như đất đai, môi trường, lao động...

+ Người dân thiếu vốn đầu tư cho sản xuất và tiếp cận các nguồn vốn vay gặp nhiều khó khăn.

+ Khó khăn trong việc tìm kiếm đầu ra các sản phẩm chăn nuôi.

+ Một số tiêu chí để được thụ hưởng chính sách còn cao so với khả năng đầu tư của nông dân.

- *Nguyên nhân:*

+ Công tác tuyên truyền, chỉ đạo thực hiện chính sách chưa quyết liệt, ở một số xã mới chỉ mang tính hình thức, dẫn đến các cơ chế chính sách, vốn vay chưa đến được với người dân như: thuê đất làm trang trại, bố trí đất xa khu dân cư, cơ chế kích cầu của tỉnh, của huyện, cơ chế vay vốn,.....

+ Chưa xây dựng được các trang trại sản xuất giống cung ứng cho địa bàn huyện.

+ Giá cả đầu vào chăn nuôi còn cao và liên tục tăng, giá cả đầu ra của sản phẩm không ổn định, dịch bệnh gia súc, gia cầm thường xuyên tiềm ẩn là những nguyên nhân chính làm hạn chế chăn nuôi trang trại quy mô lớn phát triển.

+ Một số cấp ủy, chính quyền chưa quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo tới công tác phát triển ngành chăn nuôi, xây dựng trang trại chăn nuôi quy mô lớn, công tác phòng chống dịch bệnh, chưa coi đây là nhiệm vụ trọng tâm để phát triển kinh tế.

+ Nhận thức của người chăn nuôi còn hạn chế, vẫn còn xu thế sản xuất theo hướng chạy theo thị trường, không theo định hướng. Chưa chú trọng tới công tác tiêm phòng để chủ động trong việc phòng chống dịch bệnh, chưa xây dựng được thương hiệu và đầu ra ổn định cho sản phẩm.

II. Kế hoạch phát triển kinh tế trang trại năm 2018, định hướng phát triển đến năm 2020.

1. Kế hoạch phát triển kinh tế trang trại năm 2018, định hướng phát triển đến năm 2020:

- Ổn định sản xuất các trang trại chăn nuôi công nghiệp trên địa bàn, gắn với các biện pháp hạn chế ô nhiễm môi trường.

- Khôi phục và từng bước ổn định sản xuất của các trang trại tổng hợp có chăn nuôi gia súc, gia cầm và các trang trại chăn nuôi quy mô nhỏ.

- Tiếp tục dồn đổi, tích tụ ruộng đất xây dựng các trang trại tổng hợp, trang trại lúa cá kết hợp nuôi trồng thủy sản. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, công nghệ, nâng cao hiệu quả hoạt động của các trang trại nuôi trồng thủy sản vùng triều, vùng bãi triều, vùng nuôi thủy sản các xã ven biển.

2. Giải pháp thực hiện:

- Tiếp tục chú trọng công tác quy hoạch và thực hiện quy hoạch để phát triển trang trại, trong đó ưu tiên cho phát triển loại hình trang trại tổng hợp, trang trại đạt tiêu chí theo Thông tư 27 của Bộ nông nghiệp và PTNT tại các xã có điều kiện về đất đai và ở các xã vùng đồng chiêm, đồng biển.

- Từng bước xóa bỏ tư tưởng sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, chạy theo phong trào, thời giá gây mất cân đối cung cầu sản xuất thực phẩm nông sản và hệ quả được mùa mất giá trong thời gian qua.

- Chú trọng việc phát triển sản xuất của trang trại theo hướng hàng hóa, chuỗi sản xuất và liên kết tiêu thụ sản phẩm, đảm bảo đầu ra cho sản phẩm và an toàn thực phẩm.

- Xây dựng cơ chế hỗ trợ cho các trang trại như: Cơ sở hạ tầng đường điện, đường giao thông, hỗ trợ kết nối tiêu thụ sản phẩm.

- Có cơ chế để các chủ trang trại tiếp cận được các nguồn vốn vay, đặc biệt là các nguồn vốn vay ưu đãi hỗ trợ cho phát triển sản xuất.

3. Kiến nghị và đề xuất:

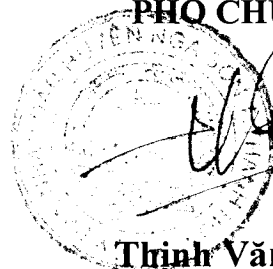
- Đề nghị tỉnh có cơ chế hỗ trợ liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm trong sản xuất tạo đầu ra ổn định cho thực phẩm nông sản.

- Có chính sách để chủ trang trại tiếp cận các nguồn vốn vay, vốn hỗ trợ với thời gian trung và dài hạn, lãi suất thấp đầu tư trong sản xuất. / C. Hieu

Nơi nhận:

- Chi cục Phát triển nông thôn (B/c);
- Lưu: VT, NN&PTNT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trịnh Văn Huyền

Phụ lục 1:

THÔNG TIN CHUNG VỀ TRANG TRẠI

(Kèm theo báo cáo số 175/BC-UBND, ngày 22/5/2018 của UBND huyện Nga Sơn)

TT	Tên chủ trang trại	Địa chỉ	Cấp giấy chứng nhận		Phân loại trang trại	Diện tích trang trại (ha)				
			Đã cấp	Chưa cấp		Tổng diện tích đất	Đất trồng cây hàng năm	Đất trồng cây lâu năm	Đất lâm nghiệp	Đất NTTS
1	Cụm TT lợn xã Nga Trung	Nga Trung		x	Chăn nuôi	0,523		0,2		
2	Cụm TT lợn xã Nga Lĩnh	Nga Lĩnh	x		Chăn nuôi	0,928		0,4		
3	Cụm TT lợn xã Nga Thành	Nga Thành	x		Chăn nuôi	1,62		0,7		
4	Cụm TT lợn xã Nga Nhân	Nga Nhân		x	Chăn nuôi	0,47				
5	Cụm TT gà xã Nga Bạch			x	Chăn nuôi	0,516				
6	Cụm TT gà xã Nga Bạch	Nga Bạch		x	Chăn nuôi	0,619				
7	Mai Văn Xuyên	Nga Giáp	x		Chăn nuôi	1,0035	0,1	0,3		0,65
8	Mai Văn Nghi	Nga Phú	x		Chăn nuôi	1,72		0,3		1
9	Mai Văn Công	Nga Yên	x		Tổng hợp	2,13	0,45			1,5
10	Trần Văn An	Nga Mỹ		x	Chăn nuôi	0,2				
11	Lại Quang nghĩa	Nga Văn		x	Tổng hợp	0,75	0,25	0,15		0,3
12	Mã Văn Hảo	Nga Thạch		x	Tổng hợp	1,5				1,2
13	Mai Văn Giáp	Nga Thiện		x	Tổng hợp	0,5				0,1
14	Trịnh Văn Kế	Nga Lĩnh		x	Thủy sản	6,6				6
15	Mai Xuân Tạc	Nga Tân			Thủy sản	11				9
16	Mai Đình Khải	Nga Thủy	x		Thủy sản	2,17				1,9
17	Trịnh Văn Tiến	Nga Thủy	x		Thủy sản	2,1				1,81
18	Nguyễn Văn Hiền	Nga Liên		x	Tổng hợp	0,65		0,1		0,35
19	Phạm Văn Đồng	Nga Thành		x	Chăn nuôi	0,5				
20	Mai Văn Khu	Nga Trung		x	Tổng hợp	0,65	0,25			0,35

Phụ lục 2:

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRANG TRẠI NĂM 2017

(kèm theo báo cáo số 175/BC-UBND, ngày 22/5/2018 của UBND huyện Nga Sơn)

TT	Tên chủ trang trại	Lao động		Tổng vốn đầu tư trang trại (tr.đ)	Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 (tr.đ)		
		LĐ thường xuyên	LĐ thuê ngoài		Tổng doanh thu	Lợi nhuận	Thu nhập lao động
1	Cụm TT lợn xã Nga Trung	4		2.400	7.200	300	3,5
2	Cụm TT lợn xã Nga Lĩnh	4		1.800	7.200	300	3,5
3	Cụm TT lợn xã Nga Thành	4		2.200	7.200	300	3,5
4	Cụm TT lợn xã Nga Nhân	4		3.000	7.200	300	3,5
5	Cụm TT gà xã Nga Bạch	6		900	3.000	150	3,5
6	Cụm TT gà xã Nga Bạch	6		900	3.000	150	3,5
7	Mai Văn Xuyên	2		1.500	2.700	170	3,5
8	Mai Văn Nghi	2		1.300	2.100	240	4
9	Mai Văn Công	2		1.700	1.500	150	3,5
10	Trần Văn An	1		2.100	1.300	120	3,5
11	Lại Quang nghĩa	4		700	586	150	3
12	Mã Văn Hào	2		1.200	1.500	100	4
13	Mai Văn Giáp	2		800	700	150	3,5
14	Trịnh Văn Kế	4		650	800	300	3,5
15	Mai Xuân Tạc	6		11.000	6.000	500	5
16	Mai Đình Khải	4		2.500	2.400	450	5
17	Trịnh Văn Tiến	2		1.500	2.035	390	4,5
18	Nguyễn Văn Hiền	2		800	1.100	200	4
19	Phạm Văn Đồng	4		3.500	2.800	150	3,5
20	Mai Văn Khu	2		700	1.100	250	4

Phụ lục 3:

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRANG TRẠI NĂM 2018

(kèm theo báo cáo số 115/BC-UBND, ngày 22/5/2018 của UBND huyện Nga Sơn)

TT	Trang trại	Số lượng	Diện tích trang trại (ha)				
			Tổng diện tích đất	Đất trồng cây hàng năm	Đất trồng cây lâu năm	Đất lâm nghiệp	Đất NTTS
1	Trang trại trồng trọt	7	9,44		9,44		
2	Trang trại chăn nuôi	77	34				
3	Trang trại nuôi trồng thủy sản	280	608				608
4	Trang trại lâm nghiệp						
5	Trang trại tổng hợp	633	405	45	110		250
	Tổng cộng	997	1056,44	45	119,44		858

